

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng . - Địa chỉ: 99 Hùng Vương, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng - Điện thoại: 0236 3835380 - Mã số thuế : 0400522258 - Tài khoản : 3713.0.1057276.00000 tại kho bạc nhà nước Đà Nẵng khu vực XIII
E-ĐKC 1.7	Công trình: Sửa chữa cải tạo tầng 1, mặt tiền và mái tôn nhà F (cơ sở 1) - Địa điểm: Cơ sở 01 – Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng - Số 99 Hùng Vương, P.Hải Châu, TP.Đà Nẵng
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại Số 99 Hùng Vương, P.Hải Châu, TP.Đà Nẵng và được xác định trong Bản vẽ số 01.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: ____ [ghi ngày]
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: ____ [ghi ngày]. <i>[Nếu quy định các ngày khác nhau để hoàn thành các phần Công trình (“hoàn thành từng phần” hoặc các mốc hoàn thành) thì phải liệt kê toàn bộ ở đây].</i>
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: ____ [ghi ngày].
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Quảng Đà + Địa chỉ: Tầng 4, số 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. + Điện thoại: 0905.993406 - Tư vấn giám sát là: Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Cát Tường Minh + Địa chỉ: 592 Trưng Nữ Vương, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam



	+ Điện thoại : 0905200852
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: ____ [<i>Chủ đầu tư điền</i>]
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: i. Quyết định phê duyệt BCKTK ;Quyết định phê duyệt điều chỉnh BCKTKT (nếu có); k. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán được duyệt; Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán được duyệt (nếu có); l. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; m. Bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng; n. Bảo lãnh bảo hành; - o Hồ sơ quản lý chất lượng gói thầu; p. Các tài liệu khác có liên quan theo quy định hiện hành
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 16 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 10 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 10 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 14 ngày kể từ

AO
 C
 RV
 VÀ
 Q
 VY

	ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Nhà thầu phụ phải có đủ tư cách, năng lực, kinh nghiệm tương ứng với phần công việc được giao. Nhà thầu phụ phải có tên trong E-HSDT đã được Chủ đầu tư chấp thuận hoặc được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các Nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng chỉ được thực hiện khi được CĐT chấp thuận.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: - Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ 3 kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình - Chủ đầu tư mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định. Chủ đầu tư đã mua bảo hiểm công trình, khi có tổn thất, thiệt hại xảy ra đối với công trình, mà tổn thất, thiệt hại đó thuộc phạm vi công việc của Nhà thầu, Nhà thầu phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được bồi thường. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Nhà thầu không thực hiện những thủ tục trên. Trường hợp Nhà thầu được bồi thường thì Nhà thầu phải chịu mức khấu trừ theo quy định của hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm xây dựng công trình ký giữa Chủ đầu tư và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm; - Trường hợp liên danh các thành viên trong liên danh có thể ủy quyền cho thành viên đứng đầu liên danh mua bảo hiểm cho cả liên danh, việc thanh toán chi phí mua bảo hiểm do các thành viên liên danh tự thỏa thuận với bên bán bảo hiểm.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trìnhngày, kể từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao theo quy định.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Cơ sở 01 – Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng - Số 99 Hùng Vương, P.Hải Châu, TP.Đà Nẵng

16
ĐỒNG
TNI
N TI
CAY
ANI
HỒ

E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Cụ thể theo hợp đồng - Chủ đầu tư phải bàn giao cho Nhà thầu mặt bằng thi công công trình để Nhà thầu thực hiện hợp đồng trong thời gian 14 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Chủ đầu tư có thể bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng. - Trường hợp Nhà thầu không nhận được mặt bằng thi công công trình do sự chậm trễ của Chủ đầu tư và phải gánh chịu chi phí phát sinh trong thời gian này thì Nhà thầu được thanh toán chi phí phát sinh và cộng thêm vào trong giá hợp đồng. Nếu do sai sót hoặc sự chậm trễ của Nhà thầu thì Nhà thầu sẽ không được quyền hưởng việc gia hạn thời gian, chi phí này.
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 45 ngày. Giải quyết tranh chấp: Nếu hòa giải, thương lượng mà các Bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết các tranh chấp theo Hợp đồng, thì một trong 2 Bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó qua Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân). Quyết định của toà án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai Bên.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: _____ [ghi ngày dự định khởi công]. - Ngày hoàn thành dự kiến: _____ [ghi ngày hoàn thành dự kiến].
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết để trình cho Chủ đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Sau ngày khởi công Nhà thầu cũng phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 3 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 15 ngày. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 33.000.000 VND
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: - Nhà thầu tuân thủ các hướng dẫn của Chủ đầu tư khi các hướng dẫn của Chủ đầu tư đúng quy định, mới phát sinh, không

	nằm trong thỏa thuận đã có trước đó; - Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra; - Do Chủ đầu tư không hoặc chậm thanh toán vốn theo quy định của hợp đồng sau khi Nhà thầu đã nộp đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Tất cả các loại vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho gói thầu.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
E-ĐKC 41.1	a) Giá trị hợp đồng được xác định là:.....đồng (<i>Bằng chữ:</i>) - Chi tiết giá hợp đồng được nêu trong Phụ lục số[Biểu giá hợp đồng] kèm theo hợp đồng này - Giá trị hợp đồng bao gồm: + Dự phòng phí của hợp đồng là..... đồng + Toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, bản quyền, lợi nhuận của Nhà thầu và tất cả các loại thuế, phí liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật. - Phần dự phòng phí của hợp đồng do Chủ đầu tư quản lý và chỉ được sử dụng để thanh toán cho Nhà thầu khi có khối lượng phát sinh đã được phê duyệt theo quy định và hai bên ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung. b) Điều chỉnh khối lượng công việc và một số nội dung khác trong hợp đồng. - Khối lượng điều chỉnh trong trường hợp: Bổ sung những khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong hợp đồng nhưng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; các khối lượng công việc đã có đơn giá trong hợp đồng được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng trong hợp đồng đã ký) được nghiệm thu. Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện tăng hoặc giảm lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp

	đồng, đồng thời làm thay đổi trên 0,25% giá trị hợp đồng và trên 1% đơn giá của công việc đó hoặc khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì các bên thống nhất xác định đơn giá mới theo nguyên tắc đã thỏa thuận trong phụ lục hợp đồng về đơn giá cho các khối lượng này để thanh toán. Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện tăng lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, đơn giá mới chỉ được áp dụng cho phần khối lượng thực tế thực hiện vượt quá 120% khối lượng ghi trong hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện giảm lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, đơn giá mới được áp dụng cho toàn bộ khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu. Trường hợp khối lượng thực tế thực hiện tăng hoặc giảm nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thỏa thuận của phụ lục hợp đồng (nếu có) để thanh toán. Đối với điều chỉnh một số nội dung khác trong hợp đồng: theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và pháp luật về đấu thầu. c) Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng Đơn giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 Phương pháp điều chỉnh theo quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và pháp luật về đấu thầu.
E-ĐKC 42.1	- Số tiền tạm ứng hợp đồng là : đồng, tương ứng với 30% giá trị Hợp đồng (<i>Bằng chữ:</i>). - Số tiền tạm ứng này sẽ được Chủ đầu tư thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên theo tỷ lệ thu hồi tối thiểu là 37,5% giá trị khối lượng hoàn thành của mỗi đợt thanh toán và phải đảm bảo thu hồi hết khi Nhà thầu thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng hoặc trước ngày 31/12/2025 tùy diện kiện nào đến trước. - Thời gian tạm ứng: tối đa 14 ngày làm việc kể từ ngày nhà thầu đề nghị tạm ứng và cung cấp bảo lãnh tạm ứng hợp lệ tương ứng với số tiền tạm ứng. - Phương thức tạm ứng : Chuyển khoản
E-ĐKC 44.1	a. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản b. Số lần thanh toán: - Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thành nhiều lần trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu theo đúng quy định (bao gồm cả phần khối lượng thực hiện theo

hợp đồng và khối lượng bổ sung, phát sinh (nếu có).

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 95% giá trị khối lượng hoàn thành mỗi đợt thanh toán đã được nghiệm thu và có xác nhận của CĐT, TVQLDA, TVGS và Nhà thầu (sau khi đã thu hồi tạm ứng).

- Sau khi công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, hồ sơ quyết toán công trình đã được đại diện CĐT, TVQLDA, TVGS và Nhà thầu xác nhận. Nhà thầu nộp bảo lãnh bảo hành hợp lệ với giá trị tương đương 05% giá trị quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 98% giá trị quyết toán.

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu số tiền còn lại ngay sau khi dự án/gói thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Trường hợp hồ sơ quyết toán công trình đã được Bộ Y tế phê duyệt có giá trị thấp hơn giá trị đã thanh toán cho Nhà thầu thì trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của CĐT, Nhà thầu phải chuyển khoản chênh lệch (giá trị đã thanh toán - giá trị được quyết toán) vào tài khoản của Chủ đầu tư.

c. Thời hạn thanh toán: Không quá 14 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng và dự án đã được cấp có thẩm quyền bố trí vốn NSNN.

d. Hồ sơ thanh toán:

- Số lượng hồ sơ thanh toán: 07 bộ.

- Hồ sơ thanh toán bao gồm các tài liệu chủ yếu sau:

+ Giấy đề nghị thanh toán của Bên nhận thầu;

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng theo hợp đồng) trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, TVQLDA, TVGS và bên nhận thầu;

+ Bảng tính giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, TVQLDA, TVGS và bên nhận thầu;

+ Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các Khoản này có xác nhận của Chủ đầu tư, TVQLDA, TVGS và bên nhận thầu

+ Các biểu mẫu thanh toán theo quy định của pháp luật hiện hành;

+ Hồ sơ quyết toán công trình/gói thầu có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, TVQLDA, TVGS và bên nhận thầu (thanh toán giai đoạn quyết toán);

014
NG
TNHI
AN TH
XÂY
QUẢN
PH

	+ Biên bản nghiệm thu quyết toán khối lượng hoàn thành có xác nhận của đại Chủ đầu tư, TVQLDA, TVGS và bên nhận thầu (thanh toán giai đoạn quyết toán); + Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng (thanh toán giai đoạn quyết toán); + Hóa đơn VAT.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Không được phép.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%.
E-ĐKC 47.1(d)	Các trường hợp khác được phép thay đổi theo quy quy định hiện hành của pháp luật.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: - Nếu chậm tiến độ 03 ngày đầu phạt 0,50% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm. Chậm mỗi 03 ngày tiếp theo phạt thêm 0,3% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm. Tổng số tiền phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP. - Trường hợp bên nhận thầu vi phạm nghĩa vụ bảo đảm chất lượng cho công trình, bên nhận thầu sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của bên giao thầu và bị phạt 12% giá trị phần Hợp đồng kinh tế bị vi phạm về chất lượng.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: _____ [ghi thời gian bàn giao công trình].
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: _____ [ghi thời gian nộp bản vẽ hoàn công].
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 162.000.000 VND

8-C
 Y
 ẾT KẾ
 DỤNG
 DÀ
 DÀ

E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có).
----------------------	--